PHẬT GIÁO NGUYÊN THỦY
THERAVĀDA

NHÂN QUẢ LIÊN QUAN
(PAṬICCA SAMUPPĀDA)

Tỳ khưu Bửu Chơn

Tác phẩm 8 trong quyển
Toàn tập
TRƯỞNG LÃO HÒA THƯỢNG BỬU CHƠN
(NĀGA MAHĀ THERA)

Xuất bản năm Dl. 2016 – Pl.2559

MỤC LỤC

Lời Soạn Giả

Quyển kinh này, bần tăng trích lục theo Tam tạng Pāḷi, quyển Luận Tế độ (*Abhidhammattha Saṅgha*); quyển Buddhism for every body của Bhikkhu J.Kashyap và quyển Thanh tịnh đạo (*Visuddhi magga*).

Đã nhiều năm nghiên cứu và thực hành thấy pháp Liên quan nhân quả thường gọi là Thập nhị nhân duyên (*concerning of cause and effect*) rất sâu xa mầu nhiệm, khó nghe, khó hiểu, khó lĩnh hội được đối với người học Phật còn sơ cơ.

Đức Phật có nói: "Này Ānanda, ví như khung cửi bị chuột cắn hư nát lộn xộn cả đầu đuôi, người có đầy sự kiên nhẫn tinh tấn, chịu khó nhọc để nối lại khung cửi thật là không dễ thế nào thì pháp Nhân quả liên quan hiểu được và tìm cho ra mối để giác ngộ cũng khó khăn như thế ấy".

Mặc dầu tài hèn học kém, tuy nhiên, soạn giả cũng ráng tìm phương pháp giải cho thật rộng và dùng những ví dụ cho dễ nghe dễ hiểu, khiến cho độc giả xem qua có thể lĩnh hội dễ dàng mau chóng.

Bần tăng ước mong rằng quyển kinh này sẽ giúp thêm vài phần nào trong muôn một, về sự sưu tầm chân lý, cho hành giả có chí muốn thực hành cho mau đắc đạo quả Niết-bàn.

Với tấm lòng bác ái.

Tỳ khưu Bửu Chơn

Namo tassa Bhagavato Arahato Sammāsambuddhassa – Tôi xin thanh kính lễ đức Bhagavā, Ngài là bậc A-la-hán vô thượng, đã chứng quả Chánh Biến Tri, Tam Diệu Tam Bồ Đề.

Nhân Quả Liên Quan

(Paṭicca samuppāda) thường gọi là thập nhị nhân duyên

"Nhân quả liên quan" là một triết lý thật tế và căn bản của Phật giáo. Như Đức Phật có nói: Người nào hiểu được lý "Nhân quả liên quan" thì người ấy cũng gọi là hiểu được Giáo pháp, hay là người nào hiểu Giáo pháp cũng gọi là hiểu được lý "Nhân quả liên quan".

Hơn nữa, chư Phật quá khứ, khi thành đạo cũng đều thấu đạo lý Nhân quả liên quan (Tam tạng quyển 16e trg.66.117-; 31e trg.10.31.64) rồi mới đắc Chánh đẳng Chánh giác.

Pháp "Nhân quả liên quan" có nghĩa là thế nào?

Liên quan do nơi tiếng Pāli là *paṭicca*: nương nhau mà liên hệ với nhau. Nhân quả do nơi tiếng *samuppāda*: nghĩa là có sự liên can với nhau, rồi do cái này mà phát sanh lên cái kia; cũng cái thức là quả của sự hành vi (thiện hoặc ác) mà chính thức ấy cũng là nhân để sanh ra danh và sắc, cho nên chính mình là nhân mà cũng là quả của cái khác nên gọi là Nhân quả liên quan. Ví như một sợi dây xích có mười hai khoen dính liền nhau, khoen này là quả của cái kia và cũng là nhân để nối liền với cái khác.

Pháp Nhân quả liên quan có 12 chi là: vô minh sanh ra hành (*avijjā paccayā saṇkhārā*), hành sanh ra thức (*saṇkhārā paccayā viññānaṃ*), thức sanh ra danh sắc (*viññāna paccayā nāmarūpaṃ*), danh sắc sanh ra lục căn (*nāmarūpa paccayā saḷāyatānaṃ*), lục căn sanh ra xúc (*saḷāyatāna paccayā phasso*), xúc sanh ra thọ (*phassa paccayā vedanā*), thọ sanh ra ái (*vedanā paccayā tanhā*), ái sanh ra thủ (*tanhā paccayā upādānaṃ*), thủ sanh ra hữu (*upādāna paccayā bhavo*), hữu sanh ra sanh (*bhava paccayā jāti*), sanh mới sanh ra già chết (*jāti paccayā jarāmaranaṃ*).

Sokaparideva dukkha domanassupāyāsā sambhavanti – luôn cả sự buồn rầu, khóc than, khổ não, phiền muộn, đau đớn (tuyệt vọng) cũng phát sanh lên (kể từ sự già chết, buồn rầu, v.v… hết thảy những điều khổ ấy thành ra một chi thứ mười hai).

Evametassa kevalassa dukkhakkhandhassa samudayo hoti – sự phát sanh lên những điều khổ não như thế ấy.

Pháp Nhân quả liên quan ví như bánh xe có mười hai cây căm nối liền nhau không thể phân biệt chỗ nào đầu đuôi chi cả, nhưng mà khởi từ vô minh để giảng giải là lấy một phần lớn và quan trọng vậy thôi. Lại cũng ví như người mù đi đường trơn, trợt té xuống, quơ níu chạm nhằm hai cây gai, bị gai đâm lủng sáu chỗ, kiếm thuốc để đắp không lành khi chịu khi không lại muốn kiếm thêm đắp mãi, thứ nào hơi chịu thì chấp lấy thứ ấy, ráng dậy để đi kiếm thêm, khi đi lại trượt nữa, té vào đống lửa to khổ sở vô cùng. Sự ngụ ý: người mù như vô minh, đi đường trơn ví như hành, trợt té xuống như thức, níu nhằm hai cây gai như danh sắc, lỡ sáu chỗ như lục căn, đắp thuốc như xúc, khi chịu khi không như thọ, khi vui khi khổ muốn kiếm đắp mãi như ái dục, chấp vào thứ nào chịu như thủ, ráng dậy để kiếm nữa như hữu (là có cảnh giới khác để thoát sanh), khi đi lại trợt té nữa như sanh, té vào đống lửa to như già chết, buồn rầu, v.v…

Pháp Nhân quả liên quan nói rằng không có đầu đuôi tại sao lại nói vô minh sanh ra hành, như vậy không phải vô minh là đầu tiên sao? Phải, nói vô minh sanh ra hành vì vô minh là phần quan trọng hơn hết, Đức Phật bắt đầu thuyết về vô minh là do hạng chúng sanh có những kiến thức (*diṭṭhi cārita*) để đặng phá tan tà kiến ấy. Cũng như người bị rắn quấn mười hai khoanh, khi muốn cho thấy khoanh kia tháo ra thì chỉ cắt cái đầu con rắn thì tất nhiên những khoanh kia cũng tự nhiên tháo ra hết. Như thế nào, thì vô minh cũng là phần quan trọng hơn hết trong mười hai chi. Nếu diệt được vô minh thì các chi kia cũng đồng diệt tận.

Lại nữa, vô minh mà có cũng do nơi sự buồn rầu khóc than v.v… mà phát sanh. Vì con người khi buồn rầu tâm lầm lạc không phân biệt phải quấy chi cả. Rồi vô minh lại có dịp phát sanh ra nữa, và do sự mù quáng ấy mà hành động thiện ác v.v… Cứ thế mà bánh xe luân hồi xoay tròn mãi mãi vô cùng vô tận làm cho chúng sanh không bao giờ thoát khỏi được những điều thống khổ, cũng do nơi sự buồn rầu ấy v.v…

Vì vậy, không khế cho rằng vô minh là khoảng đầu, khoảng giữa hay chót được.

Pháp Nhân quả liên quan là một triết lý thật tế tự nhiên nhân quả cứ xoay tít chúng sanh đi mãi mãi, chớ không phải như các tôn giáo khác cho là có Trời (*devata*)[1] hay là Phạm Thiên (*brahma*)[2] mà có năng lực tạo ra vạn vật và loài người, mà chính các vị trời ấy cũng bị mắc vào bánh xe nhân quả liên quan xoay tròn không dứt khi sanh làm trời, lúc làm người, khi cầm thú v.v… xoay đi chuyển lại trong vòng tam giới (là Dục giới, Sắc giới, và Vô Sắc giới) không sao khỏi được, trừ khi nào do nhờ thánh đạo thánh quả thì mới bẻ gãy bánh xe nhân quả ấy được.

---

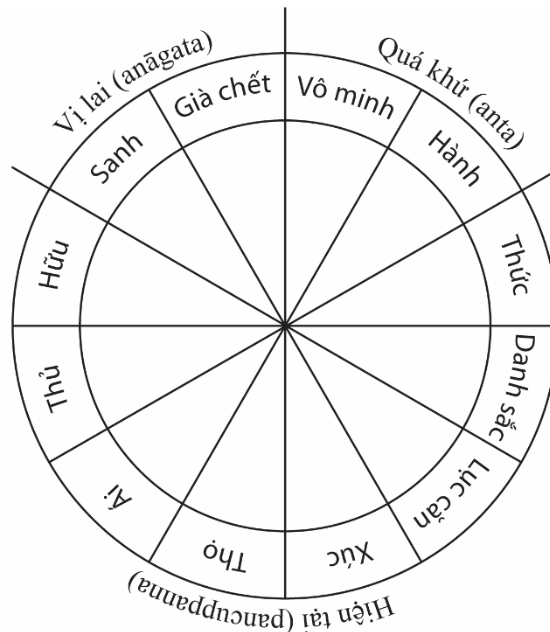
[1]. Chư thiên ở cảnh Dục giới.

[2]. Chư thiên ở cảnh Sắc giới.

Bánh xe Nhân quả liên quan (*bhava cakka*)

Pháp Nhân quả liên quan chia ra làm 3 thời kỳ (*addhā*), 12 chi (*aṅga*), 20 thể (*ākāra*), 3 chỗ nối liền (*sandhi*), 4 chỗ tóm tắt (*sankhepa*), 3 sự xoay chuyển (*vaṭṭa*), 2 gốc (*mūla*).

Giải: chỗ nói ba thời kỳ là: thời kỳ quá khứ, vị lai, hiện tại; vô minh và hành – hai chi này thuộc về thời kỳ quá khứ; thức, danh sắc, lục căn, xúc, thọ, ái, thủ, hữu – tám chi này thuộc về thời kỳ hiện tại; sanh và già chết – hai chi này thuộc về thời vị lai. Chỗ nói mười hai chi là từ vô minh tới già chết.



Chỗ nói hai mươi thể là: vô minh, hành, ái, thủ, hữu – năm thể này thuộc về nguyên nhân quá khứ để sanh ra năm quả trong hiện tại là: thức, danh sắc, lục căn, xúc, thọ, thành ra mười thể. Kể từ ái, thủ, hữu, vô minh, hành – năm thể trong kiếp hiện tại này thuộc về nguyên nhân để sanh ra năm quả trong kiếp vị lai là: thức, danh sắc, lục căn, xúc, thọ, thành ra mười thể nữa; trước mười, sau mười thành hai thể. Còn ba pháp là sanh, già, chết cũng không ngoài ra của năm quả hiện tại, khi năm quả này phát sanh lên gọi là sanh, khi cũ xấu hư mòn tiều tụy gọi là già, khi năm quả này tan rã thì gọi là chết.

Chỗ nói ba chỗ nối liền là: lúc hành của thời kỳ quá khứ nối liền nhau với thức hiện tại gọi là nhân quả nối liền, lúc thọ của quả hiện tại nối liền nhau với ái là nhân hiện tại gọi là quả nhân nối liền. Lúc hữu của nhân hiện tại nối liền với sanh

là quả của vị lai gọi là nhân quả nối liền. Chỗ nói bốn chỗ tóm tắt là: vô minh, hành gọi là một chỗ tóm tắt; thức, danh sắc, lục căn, xúc, thọ gọi là một chỗ tóm tắt; ái, thủ, hữu gọi là một chỗ tóm tắt; sanh, già chết gọi là một chỗ tắt.

Chỗ nói ba sự luân chuyển là: sự luân chuyển của phiền não (*kilesa vatta*), sự luân chuyển của nghiệp (*kamma vatta*), sự luân chuyển của quả (*vipāka vatta*). Vô minh, ái, dục, thủ, gọi là sự luân chuyển của phiền não; hữu nghiệp[3] (*kamma bhava*) và hành gọi là sự luân chuyển của nghiệp; hữu sanh[3] (*uppati bhava*) thức, danh sắc, lục căn, xúc, thọ, sanh, già chết: 8 chi này gọi là sự luân chuyển của quả.

Chỗ nói hai gốc là: vô minh và ái dục, khi hai gốc này chưa diệt được thì ba sự luân chuyển cứ cấu tạo thêm rồi xoay tròn đi mãi mãi. Nếu sự luân chuyển của phiền não mà bị thánh đạo cắt đứt (là diệt tận) thì sự luân chuyển của nghiệp và của quả cũng dứt hẳn. Chừng ấy bánh xe nhân quả cũng ngừng xoay vì đã bị diệt tận các gốc rễ.

Khi chúng sanh bị vô minh che đậy, thêm ái dục cột trói vào điều khổ não thì già chết càng hãm hại luôn luôn, rồi sự buồn rầu, khóc than, phiền muộn v.v… cũng phát sanh lên theo và luôn cả bốn pháp trầm luân (*āsava*) là trầm luân trong ngũ trần, tà kiến, tam giới và vô minh; kế đó hành, thức, danh sắc v.v… cũng do đó mà phát sanh lên nữa. Lúc ấy ba sự luân chuyển cứ tiếp tục mà xoay đi mãi mãi, không thể phân biệt được chỗ nguyên nhân đầu tiên.

Tại sao lại có hai gốc?

Giải rằng: "Đức Phật khi thuyết 'vô minh' là gốc của bánh xe nhân quả là Ngài do hạng chúng sanh có nhiều kiến thức (*diṭṭhicārita*), còn thuyết ái dục là gốc do hạng chúng sanh có nhiều lòng ái dục (*tanhācārita*). Hơn nữa, khi thuyết vô minh là gốc để chỉ rõ cho thấy quả và nhân không lìa nhau được, để phá tan sự hiểu lầm của chúng sanh có nhiều đoạn kiến (*ucchedodiṭṭhi*)[4]. Còn thuyết ái dục là gốc để chỉ rõ rằng chúng sanh bị những sự khổ não nhứt là già chết ấy là do nơi ái dục, để phá tan sự chấp của chúng sanh nào có nhiều thường kiến[5] (*sassatadiṭṭhi*). Hoặc thuyết bằng cách khác nữa là Ngài thuyết vô minh là gốc, ấy để ám chỉ về chúng sanh nào sanh vào thai bào, là từ nguyên tố thật nhỏ rồi lần lần theo thứ lớp mà nảy sanh lên cho đến khi tròn đủ cả lục căn (thuộc về thai sanh). Còn thuyết ái dục là gốc ấy để ám chỉ chúng sanh nào thuộc về hóa sanh là khi vừa sanh lên thì có đủ cả lục căn liền trong một lúc (như Chư Thiên).

[3] Hữu nghiệp, hữu sanh: hai chi này ở trong chi hữu mà ra, một cái thì đương tạo cảnh giới, một cái sanh vào cảnh giới.
[4] Đoạn kiến là cho rằng chúng sanh khi chết rồi thì mất không đầu thai lại.
[5] Thường kiến là cho rằng chúng sanh hiện tại sanh làm người hay thú, khi chết rồi cũng trở lại đầu thai y như trước vậy.

Pháp Nhân quả liên quan theo Phật ngôn (*mātikā*) chia làm 5 phần: phần nguồn gốc của tứ đế (là khổ, tập, diệt, đạo) (*sacca pabhava*); phần về phận sự (*kicca*); phần ngăn cản (*vāraṇa*); phần ví dụ (*upamā*); phần sâu xa (*gambhīra*).

Phần nguồn gốc là cũng do nơi có pháp Nhân quả liên quan mới có sanh ra Tứ diệu đế (là khổ, tập, diệt, đạo).

Phần về phận sự: trong 12 chi của pháp Nhân quả liên quan đều có 2 phận sự: như vô minh chính mình làm cho tối tăm mờ ám không cho thấy rõ lý tứ diệu đế lại còn là nguyên nhân (có phận sự) để sanh ra hành nữa v.v.. cho tới già chết chính mình có phận sự làm cho cũ kỹ hư hao và tan rã ngũ uẩn lại còn là nguyên nhân để đưa đi sanh vào cảnh giới khác, vì do nơi sự khổ não nhứt là buồn rầu làm cho tối tăm mờ ám (là vô minh) rồi vô minh v.v… hại làm phận sự mình mãi mãi.

Phần ngăn cản là: Đức Phật thuyết pháp Nhân quả liên quan để ngăn cản sự hiểu lầm của chúng sanh cho rằng cõi thế gian và chúng sanh mà có là do nhờ một bực toàn năng nào đó tạo ra. Như Ngài giải rằng: hành sanh ra thức là cốt yếu để ngăn cản sự ngộ chấp của chúng sanh rằng: 'Khi chúng sanh bỏ cảnh giới này (chết) lại đi qua cảnh giới khác', hoặc là chỗ nói thức sanh ra danh sắc[6] là cốt để ngăn cản sự hiểu lầm của chúng sanh cho rằng 'Thân ngũ uẩn này gom lại có một cục, một khối, như ta thường kêu ông này, bà nọ, trai, gái v.v…' Thật ra, thân ngũ uẩn này cho tới loài thú và Chư Thiên cũng là nơi phối hợp của danh sắc. Còn Ngài thuyết: Danh sắc sanh ra lục căn là cốt yếu để ngăn cản sự hiểu lầm của chúng sanh rằng: 'Ta thấy, ta nghe, ta ngửi, ta nếm, ta đụng chạm, ta hiểu biết, ta thọ vui, thọ khổ, ta muốn, ta già, đau, chết'. Thật ra, chỉ có trạng thái không không của các pháp như là danh sắc, lục căn v.v... mà thôi.

Phần ví dụ là như vô minh không thấy rõ bổn tánh thật của các pháp theo lý tứ đế và vô thường, khổ não, vô ngã; ví như người mù cả hai mắt không thấy rõ đường trơn nên đi trợt chơn. Hành sanh ra thức như trợt té xuống. Thức sanh ra danh sắc như té nhằm đống gai phải sưng bầm. Danh sắc sanh ra lục căn là nơi (giếng) để phát sanh các sự thống khổ, như chỗ sưng bầm ấy lại càng sưng thêm lên làm miệng sáu chỗ. Lục căn sanh ra xúc như người mù vô ý đụng nhằm chỗ lỗ ấy. Xúc sanh ra thọ (vui, khổ, xả) như đụng nhằm chỗ xưng ấy rồi thì phải chịu đau đớn khổ sở. Thọ sanh ra ái như đang đau khổ lại muốn tìm thuốc để trị bịnh đau khổ. Ái sanh ra thủ là chấp sai rằng: "Tam giới là nơi yên vui cũng như tìm thuốc để trị bịnh nhưng không nhằm thuốc. Thủ sanh ra hữu như xức thuốc không nhằm bịnh lại càng tăng lên thêm. Hữu sanh ra sanh là nơi gom lại những sự khổ não như bịnh ghẻ ấy tăng lên thêm đầy mủ máu. Sanh lại sanh ra già chết làm cho bả thân ngũ uẩn này tan rã ra như tro bụi cũng như bịnh tăng lên đầy mủ máu rồi bể ra.

[6]. Danh là thọ, tưởng, hành, thức. Sắc là do nơi đất, nước, lửa, gió, họp lại v.v…

Phần sâu xa ấy có bốn chi là:

– *Aṭṭhagaṃbhīra*: sâu xa về lý (là quả) nghĩa là sự hiểu thấu cái quả là một điều sâu xa rất khó. Như hiểu rằng: "Sự già chết là cái quả của sự sanh, ngoài sự sanh ra, không có pháp nào có năng lực để cho quả là sự già chết". Hoặc là hiểu rõ lý: "Hành là quả của vô minh, ngoài vô minh ra không có pháp nào năng lực để sanh ra hành được". Hiểu biết rõ rệt như thế thật là rất khó nên gọi là sâu xa về lý (quả). Đây là ám chỉ sự hiểu ngược của Nhân quả liên quan.

– *Dhammagambhīra*: sâu xa về pháp (là nhân). Hiểu rằng: "Chính là vô minh chớ không có một pháp nào khác có đủ năng lực để sanh ra hành được v.v… cho đến chính sự sanh là nguyên nhân duy nhứt để sanh ra sự già chết". Hiểu biết rõ rệt như thế gọi là một điều sâu xa khó hiểu được về pháp (là nhân). Đây là ám chỉ sự hiểu xuôi của pháp Nhân quả liên quan.

– *Dessanāgambhīra*: sâu xa về sự thuyết ra là: Đức Phật khi thuyết ra tùy theo trình độ, bẩm tánh, thói quen và căn cơ của chúng sanh, khi nghe rồi có thể giác ngộ được dễ dàng. Như có chỗ Ngài thuyết xuôi là bắt từ vô minh sanh ra hành v.v…, có chỗ Ngài thuyết ngược lại là bắt từ già chết là quả của sự sanh v.v… cho tới vô minh, có chỗ thuyết xuôi rồi thuyết ngược lại, có chỗ thuyết ngược lại rồi xuôi theo, có chỗ thuyết tóm tắt lại làm 4 đoạn, 2 đoạn, 2 đoạn hoặc 1 đoạn (coi chỗ giải tóm tắt phía trước).

– *Paṭivedhagambhīra*: sâu xa về sự giác ngộ (thành đạo). Đắc được pháp Nhân quả liên quan thật là khó khăn và sâu xa vô cùng. Ngoài Phật huệ của một bậc toàn giác ra, không có một nhân vật nào có thể tự tìm ra mà giác ngộ được[7], vì vô minh có tư cách nghịch hẳn với tuệ giác lại còn che đậy không cho thấy rõ sự thật của các pháp hữu vi là vô thường, khổ não và vô ngã hoặc là thấu rõ lý tứ diệu đế được, nên gọi là sâu xa về sự giác ngộ.

Theo trong Mahā nidāsutra (T.Tg.16e tr.117) thuật lại rằng: "Một lúc nọ, Đức Thế Tôn ngự tại xứ Kuru khi ấy Đại đức Ānanda vào hầu Phật. Khi đảnh lễ xong ngồi nơi chỗ phải lẽ, khi ngồi xong bèn bạch với đức Thế Tôn rằng: "Pháp Nhân quả liên quan thật là sâu xa phi thường và lạ lùng lắm, nhưng mà đối với tôi hình như cạn dễ lắm vậy. Đức Thế Tôn bèn trả lời rằng. "Này Ānanda, ngươi đừng nói như vậy vì pháp Nhân quả liên quan thật là sâu xa và chắc chắn là sâu xa vì rất khó mà hiểu biết và giác ngộ được. Cũng như khung cửi bị chuột cắn nát, hoặc như ổ chim lộn xộn cả đầu đuôi, khó mà tìm ra mối manh để nối liền đầu đuôi lại được, cho nên vì vậy chúng sanh khó mà giải thoát được vòng sanh tử luân hồi".

---

[7]. Như hiện nay con đường của đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã vạch sẵn mà có mấy ai thực hành đúng theo con đường mà Ngài chỉ dẫn, cho đến chính người tu Phật hàng triệu triệu còn phải lầm lạc theo tà thuyết thay đừng nói chi đến sự giác ngộ theo Ngài đã hướng dẫn.

Từ đây xin giải rộng ra mỗi chi cho dễ hiểu.

1. Chi thứ nhất là vô minh (*avijjā*).

Theo chú giải, chữ vô minh có hai nghĩa: không thấy (*adassanaṃ*), không biết (*aññānaṃ*). Đây là ám chỉ từ đầu tiên nơi đất, nước, gió, lửa, và hư không; các nguyên chất này có tánh cách không thấy, không biết chi cả, do nhờ sự luân chuyển của các chất ấy thay đổi mãi mãi mới có mùa tiết: khi lạnh, khi nóng, khi nắng, khi mưa. Sự luân chuyển ấy lâu ngày phát sanh lên một chất gọi là tế thức, chất này rất vi tế nhỏ hơn vi trần lẫn lộn hằng hà sa số trong hư không. Các tế thức ấy do nhờ sự luân chuyển mà lần lần tấn triển (già) lên thêm cho đến khi đúng thời kỳ cấu tạo ra hình thức, thì rút vào các chỗ như trong nước để sanh ra vi trùng (con quăn), như trong đất để sanh côn trùng, trong rễ cây bằng lăng để sanh ra con lươn, trong lá cây để sanh ra sâu, cào cào, châu chấu, trong trái cây để sanh ra bò hong nhỏ nhỏ (như trong trái sung v.v…) trong các đọt cây để sanh ra thứ chim nhỏ nhỏ.

Thế là từ vô minh sanh ra sự luân chuyển là hành. Hành mới sanh ra thức để rút vào các thứ trên đây khi có thức mới sanh ra thứ hình thức nhỏ nhỏ (danh sắc) rồi tiếp tục sanh ra các chi kia mãi mãi.

Nhưng trong pháp Nhân quả liên quan đây, Đức Phật không có ý giải như thế. Ngài chỉ cố ý giải cho biết rằng. “Khi đã có thức rõ rệt như chúng ta, trời, thú v.v… mà không hiểu, không thấy rõ lý tứ diệu đế mới gọi là vô minh. Như chúng ta đang bị các sự thống khổ đè nén tàn sát là: sanh khổ, già khổ, đau khổ, chết khổ, buồn rầu, khóc than khổ v.v… nhưng hình như thản nhiên không hay không biết, thậm chí khi có khổ đưa tới lại cố ráng đậy đi đừng cho thấy khổ, bằng các sự vui khác.

Không biết rõ tập đế là 108 cái ái dục, nơi phát sanh các sự thống khổ.

Không biết rõ diệt đế là Niết-bàn là nơi để diệt tận các sự thống khổ.

Không biết rõ đạo đế là con đường bát chánh là chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định mà thực hành theo để đến nơi diệt tắt cái khổ. Khi đã có cái thức như chúng ta đây mà không hiểu thấu lý tứ diệu đế mới gọi là vô minh.

2. Chi thứ nhì là hành (*sankhāra*).

Hành đây là sự hành vi tạo tác có ba điều: hành thiện (*puññābhi saṅkhāra*), hành ác (*apuññābhi saṅkhāra*), hành cho điềm tỉnh (không lay động) (*āneñjābhi saṅkhāra*). Hành thiện do theo ba cửa mà phát sanh lên như thân không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm; khẩu không nói láo, không nói đâm thọc, không

nói độc ác, không nói vô ích; ý không tham lam, không sân hận, không tà kiến. Còn hành ác cũng do theo ba cửa thân, khẩu, ý mà phát sanh lên nhưng hành vi trái ngược với điều thiện. Hoặc là hành vi trong các cõi thiền hữu sắc cũng gọi là hành thiện. Hành điềm tĩnh là sự hành vi của hành giả theo trong bốn cõi thiền vô sắc (khi nhập định vào các cõi thiền ấy thì thân tâm trơ trơ dầu cho súng bắn trời gầm cũng không lay động và hay biết chi cả), tinh thần chỉ còn hết sức nhỏ nhạnh vi tế vô cùng như phi phi tưởng tưởng. Vì có ba sự hành vi như trên đây nên mới sanh ra thức đầu thai (hoặc là kể 52 cái tánh (*cetasika*) trừ ra tánh thọ và tưởng còn 50 tánh đều gọi là pháp hành cả).

3. Chi thứ ba là thức (*viññāṇa*).

Thức là sự biết rõ các cảnh giới, thức ấy có sáu là: nhãn thức, nhĩ thức, tỉ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức; hoặc là thức có 89 hay 121[8] tùy theo cảnh giới của tâm (*citta*). Nhãn thức là sự hiểu biết do nơi cặp mắt; như khi mắt thấy: sắc trần, tai nghe: thinh trần, mũi ngửi: hương trần, lưỡi nếm: vị trần, thân đụng chạm: xúc trần; ý tiếp xúc với pháp trần (là các sự hiểu biết không cần tới nhãn, nhỉ, tỉ, thiệt, thân, nhưng ý có thể biết được). Như ở nơi thanh vắng một mình ngồi nhắm mắt nhưng ý có thể ôn tồn nhớ lại những việc đã thấy nghe v.v… một cách rõ rệt; hoặc như người tham thiền ngồi thấy các ấn chứng của cảnh giới (*ārammaṇa*) đều gọi là pháp cả. Khi có thức thì tất nhiên sẽ phát sanh lên danh sắc.

4. Chi thứ tư là danh sắc (*nāma rūpā*).

Danh là tên của một danh từ trừu tượng như thọ, tưởng, hành, thức uẩn chẳng có hình cảnh chi, chỉ có trạng thái chịu theo cảnh giới bên ngoài.

Sắc là tất cả hình tướng vô tri hoặc hữu tri, có trạng thái tự mình tiêu hoại do nơi sự lạnh nóng của thời tiết hoặc là đo trường hợp bên ngoài làm cho tiêu hoại, như bị người thiêu hủy tàn sát. Nhưng đây chủ yếu về sắc uẩn là nơi phối hợp của tứ đại: đất, nước, lửa, gió ví như bọt nước tan rã không chừng hoặc ví như 4 con rắn độc và 24 hữu sắc (*upādāya rūpa*) nhờ nương với thân tứ đại mà phát sanh lên (coi Vi diệu pháp).

5. Chi thứ năm là lục căn (*salāyatana*) (T.Tg 35e tr.449).

Lục căn là: nhãn căn, nhĩ căn, tỉ căn, thiệt căn, thân căn, và ý căn; có nghĩa là nơi căn cứ hay là giếng để chảy vào những ái dục phiền não, hoặc ví như sáu căn nhà bỏ trống. Nhãn căn ví như con rắn. Thói thường loài rắn ưa chui vào chỗ kín đáo để ẩn thân, cũng như nhãn thường ưa tìm kiếm chỗ người giấu giếm che đậy

[8]. Mấy tâm này xin xem trên quyển Vi diệu pháp.

mà dòm ngó. Nhĩ căn ví như con sấu, thường trầm mình dưới bùn sâu, nhưng rất tỏ tai, khi nghe có mồi xao động trên mặt nước thì phóng tới lập tức để chụp lấy. Như lỗ tai tuy ở nơi xa hoặc ở nơi thanh vắng nhưng khi có tiếng khua động dầu ở xa cũng phóng tới để tiếp xúc với tiếng ấy. Tỉ căn ví như con chim thường bay trên hư không, nhưng lỗ mũi luôn luôn chực hờ để tiếp lấy các mùi trần. Thiệt căn ví như con chó nhà, thường khi chó nhà dầu ăn no tới đâu, hễ gặp vật chi nhứt là phẩn thì lại hửi liếm chút ít. Cũng như cái lưỡi dầu thường nếm món vị nào chẳng hạng nhưng khi gặp món khác cũng muốn nếm ăn nữa. Thân căn ví như con chó sói thường ưa tìm các con thú chết hoặc tử thi, tới nằm trên mình các vật ấy mà lăn. Cũng như xác thân thường hay muốn đụng chạm tới những thân thể nhớp nhơ khác. Ý căn ví như con vượn thường không khi nào ngồi yên một chỗ, một oai nghi. Cũng như ý luôn luôn xao động phóng túng không ngừng. Tất cả sáu con thú này đem cột lại một chùm thì mạnh con nào cứ hoạt động, theo thói quen của nó, tới chừng nào đuối sức mới chịu ở yên lại một chỗ; như hành giả bắt cột lục căn vào một pháp thiền định nào vậy.

6. Chi thứ sáu là xúc (*phassa*) (T.tg. 35e tr.384).

Xúc là sự tiếp xúc hay đụng chạm giữa lục căn và lục trần. Xúc có sáu là: nhãn xúc, nhĩ xúc, tỉ xúc, thiệt xúc, thân xúc, và ý xúc. Nhãn xúc là khi mắt thấy sắc tốt hay xấu phát sanh ra thức (ba pháp là nhãn, sắc, thức gộp lại gọi là xúc) ví như hai cây củi dụm lại, ngọn lửa mới cháy lên hoặc như hai con dê đang cụng đầu nhau; nhĩ, tỉ, thiệt, thân, ý xúc cũng mường tượng như thế ấy chỉ khác căn và trần mà thôi. Lại nữa, Đức Phật có giảng về sức nóng của sự tiếp xúc của lục căn và lục trần rằng: "Người hành đạo cao thượng khi tiếp xúc với lục trần mà chủ ý tới tư cách hoặc chi tiết của trần ấy, thà lấy miếng sắc nướng đỏ thọc vào khóe mắt, hoặc lấy sắc nhọn đâm vào lỗ tai còn tốt hơn là chủ ý với tư cách hay là chi tiết tốt xấu của sắc, thinh ấy. Vì sao vậy? Nếu trong lúc ấy mà bị sự chết tới liền thì thế nào cũng phải sa vào cảnh khổ nhứt là địa ngục đời đời kiếp kiếp không sai. Hơn nữa, Đức Phật lại có giảng rằng: "*Yohi koci bhikkave, bhikkhu channaṃ phassāyatanānaṃ samudayañca atthangamañca assādañca ādinavañca nissaranañca yathābhūtaṃ nappajānāti avusitantena brahma cariyaṃ ārakā so imasmā dhamma vinayāti*" – Các thầy tỳ khưu này! Thật vậy, thầy tỳ khưu nào trong giáo pháp ta mà không biết rõ sự phát sanh lên, sự diệt tắt, sự vui thích, sự tội lỗi và sự giải thoát do nơi sự tiếp xúc của lục căn, đúng theo chân lý, thì thầy tỳ khưu ấy không thể gọi là người hành theo đạo cao thượng và hắn còn cách xa giáo pháp của Như Lai vậy! (T.Tg. 35e trg.93)

7. Chi thứ bảy là thọ (*vedanā*).

Thọ là hưởng lấy sự vui, khổ và xả của cảnh trần mà mình tiếp xúc ấy ví như đức vua hưởng lấy ngôi báu. Thọ có nhiều thứ như có 3, 4, 5, 6, 18, 36, 89, 121. Chỗ nói có 3 là: thọ vui, khổ, xả; có 4 là thọ mừng, vui, buồn, khổ; 5 cũng như 4 thêm xả vô nữa; 6 là nhãn thọ, nhỉ thọ, thiệt thọ, thân thọ, ý thọ; 18 là lấy lục căn nhơn cho 3 cái thọ vui, khổ, xả thành 18; 36 là 18 cái thọ theo ngũ trần và 18 cái thọ xuất gia; còn thọ 89 – 121 thì tùy theo sự biến chuyển của các thứ tâm nhãn thọ là khi mắt thấy sắc vừa ý hoặc không vừa ý liền phát sanh lên thọ vui hoặc khổ v.v… cho tới ý thọ cũng mường tượng như thế ấy.

8. Chi thứ tám là ái (*taṇhā*).

Ái là lòng ái dục (sự khao khát tham muốn) như khi thọ khổ thì muốn tìm cho được sự an vui, lúc vui rồi lại càng muốn được cái vui khác nữa. Sự ham muốn ấy không bao giờ ngừng nghỉ, cứ tiếp tục sai khiến mình mãi mãi. Ái dục ấy có 3 thứ là:

– *Kāmataṇhā*: ái dục trong cõi Dục giới, là sự ham muốn sanh về cõi người và sáu từng trời trong cảnh dục là cõi: Tứ Đại Thiên Vương, Đạo Lợi, Dạ Ma, Đâu Xuất, Tha Hóa Tự Tại Và Lạc Biến Hóa, hoặc là sự ham muốn của chúng sanh trong bốn đường ác là súc sanh, a-tu-la, ngạ quỷ và địa ngục cũng gọi là ham muốn trong cảnh dục.

– *Bhavataṇhā*: ái dục muốn sanh cề cõi Sắc giới là các người tham thiền để ước mong được sanh về mười sáu cõi sắc ấy[9] hoặc là các vị trời trong các cõi sắc ấy cho rằng "Các cảnh ấy là Niết-bàn vì sống thật lâu mà không thấy ai già đau chết".

– *Vibhavataṇhā*: ái dục muốn sanh về cõi Vô sắc giới là các người tham thiền khi đắc các cõi thiền hữu sắc rồi chán nản suy xét rằng: "Còn sắc tướng đây thì có ngày cũng còn phải già, đau chết, nếu ta đắc được các cõi thiền vô sắc (*arūpajhāna*) thì còn có xác thân đâu mà già đau chết được? Rồi ham muốn hành cho đắc các cõi thiền vô sắc ấy[10] (bốn cõi ấy là Không Vô Biên thiên, Thức Vô

---

[9]. Cõi thứ nhứt tên Parisajjā tuổi thọ một phần ba kiếp trái đất, cõi Parohitā tuổi phân nửa kiếp trái đất, cõi Mahābrahma - Đại Phạm thiên, tuổi 1 kiếp trái đất (ba cõi này thuộc về sơ thiền). Cõi Parittā brahma tuổi 2 kiếp; cõi Appamānabhā tuổi 4 kiếp, cõi Ābhassarā tuổi 8 kiếp (ba cõi này thuộc về nhị thiền). Cõi Paritta subhā tuổi 16 kiếp, cõi Appamānā subhā tuổi 32 kiếp, cõi Subhakiṇhā tuổi 64 kiếp (ba cõi này thuộc về tam thiền). Cõi Vehapphalā và cõi Asaññisatva - vô tưởng - hai cõi này tuổi thọ 500 kiếp trái đất và năm cõi Suddhāvāsa - thanh cảnh - đều thuộc về tứ thiền. Năm cõi thanh cảnh là chỗ ở của các bậc A-na-hàm đã diệt lòng tham muốn cảnh dục ở chờ khi đắc A-la-hán nhập Niết-bàn luôn nơi ấy chớ không trở lại cảnh dục nữa nên gọi là hạng Bất lai. Năm cảnh ấy là Avihā tuổi 1.000 kiếp, Atappā tuổi 2.000 kiếp, Suddassā tuổi 4.000 kiếp, Suddassī tuổi 8.000 kiếp, Akaniṭṭhakā tuổi 16.000 kiếp trái đất.

[10]. Cõi thứ nhất tuổi thọ hai muôn đại kiếp trái đất, thứ nhì bốn muôn kiếp, thứ ba tuổi thọ sáu muôn kiếp, thứ tư tuổi tám muôn bốn ngàn (84.000) đại kiếp trái đất. Vì sống lâu quá nên chúng sanh cảnh ấy ưa

Biên thiên, Vô Sở Hữu thiên và Phi Phi Tưởng thiên) hoặc là người có đoạn kiến cho rằng khi chết rồi thì mất luôn không còn sanh lại đâu nữa. Ưa thích như thế cũng gọi là ái dục trong cảnh vô sắc. Ái dục có sáu khác nữa là sắc ái, thinh ái, hương ái, vị ái, xúc ái và pháp ái. Như khi thấy sắc tốt đẹp vừa ý thích thì phát sanh lên lòng tham muốn ước ao cho được sắc ấy, nếu gặp sắc xấu xa nghịch ý mình thì lại ước ao muốn không cho thấy gặp sắc ấy, còn thinh, hương, vị, xúc, pháp khi ái dục sanh lên cũng mường tượng như thế ấy.

9. Chi thứ chín là thủ (*upādāna*).

Thủ là chấp lấy, nếu lấy cảnh giới mà mình hằng yêu chuộng tham muốn. Như người muốn được sắc nào, khi đã được rồi thì ôm ấp giữ gìn chấp lấy không cho ai chiếm đoạt hưởng sắc ấy nữa. Thủ ấy có bốn điều chấp là:

– *Kāmūpādāna*: chấp về tình dục là ngũ trần, khi hưởng được sắc, thinh, hương, vị, xúc nào vừa lòng đẹp ý thì cứ chấp giữ cho được mãi cái ấy. Nếu trái lại các vật ấy mà không vừa ý muốn thì buồn bực giận hờn v.v… như người chấp vị trần là ta phải ăn món này vật nọ mới gọi là cao thượng là trong sạch, khi ăn vật khác thì không phải là người tu cao thượng đúng đắn v.v… (đây là sự chấp nhứt của người ngoại đạo bên Ấn Độ)[11]. Nếu một khi mình đã chấp vào ngũ trần rồi thì tự mình cột trói vào vật ấy, hoặc là bị mắc mồi của Ma vương. Đức Phật có giảng rằng: “Ngũ trần là miếng mồi của Ma vương, người sa mê và chấp theo ngũ trần cũng như người bị mắc mồi của Ma vương vậy, khi đã mắc mồi rồi thì làm sao mà giải thoát được.

– *Diṭṭhūpādāna*: chấp về kiến thức, là chấp theo sự thấy hoặc sự hiểu biết riêng của mình mà không đúng theo chân lý. Kiến thức có nhiều thứ như thường kiến (*sassatadiṭṭhi*) là chấp rằng chúng sanh trong kiếp hiện tại là người hay thú v.v… lúc chết rồi cũng trở sanh lại như thế ấy chớ không thay đổi; đoạn kiến (*ucchedadiṭṭhi*) là chấp rằng khi chúng sanh chết rồi thì tiêu mất luôn chớ không còn tái sanh ở đâu hết (Sarattha 2 tr.21). Vô nhân kiến (ahetukaditthi)[12], là chấp rằng: “Chúng sanh trong sạch hay nhơ bẩn, vui hay khổ, đều do sự tự nhiên phát sanh lên chớ không do nguyên nhân nào cả (*sans cause*). Cũng như trái cây tự nhiên tròn hay dài, hoặc là cây có gai hay không gai, gai nhọn v.v... đều do sự tự nhiên nó sanh ra chớ không có nguyên nhân. Vô nghiệp kiến (*akiriyadiṭṭhi*)[13] là kiến thức chấp rằng: “Chúng sanh làm phước cũng không gọi là làm phước, làm tội cũng không gọi là tội, chúng sanh khi luân chuyển trong vòng sanh tử luân

thích cho là Niết-bàn. Nhưng khi hết tuổi thọ rồi cũng phải rớt sanh xuống trong các cõi khác nữa, cũng vẫn xoay chuyển trong vòng sanh tử luân hồi.

[11]. Họ chỉ biết chấp về sự ăn bên ngoài mà thôi, còn tinh thần bên trong nhơ bẩn xấu xa mà họ không hay biết, vì họ đã mồi của Ma vương.

[12]. Kiến thức này do vị giáo chủ của bọn ngoại đạo tên là Makhalgosāla tuyên bố ra.

[13]. Kiến thức này do vị giáo chủ của bọn ngoại đạo tên là Pūrānakassapa phát minh ra.

hồi rồi, khi đúng thời kỳ thì tự nhiên trong sạch đắc đạo quả lấy chớ không cần chi cả. Vô quả kiến (*natthikadiṭṭhi*)[14] là kiến thức cho rằng: "Làm phước tới đâu hay là làm tội tới bực nào cũng không trả quả. Con người chỉ sanh lên có một kiếp mà thôi. Lễ bái cúng dường, hoặc con hầu hạ cha mẹ không có quả báo chi cả; thiên đàng, địa ngục cũng không có. Kiếp quá khứ hoặc kiếp vị lai cũng không có, các bậc sa-môn, bà-la-môn hành đạo chân chánh và khổ hạnh cũng vô quả báo. Kiến thức còn tới 62 thứ khác nữa rất rộng rãi sâu xa lắm, đây chỉ giải ít kiến thức quan trọng thôi (nếu độc giả muốn tìm hiểu nữa thì xin xem Tam tạng quyển 14 trg.31). Tất cả những kiến thức trên đây đều thuộc về tà kiến cả (*micchā diṭṭhi*). Nếu chấp một trong kiến thức nào cũng gọi là chấp theo kiến thức.

– *Silabbatūpādāna*: chấp theo kệ cúng tế. Người có kiến thức này chấp rằng: "Do sự cúng tế, khấn vái thần linh mới đem lại cho sự an vui và hạnh phúc cho mình. Nếu không làm như thế thì sẽ có sự tai hại rủi ro tới tàn sát chẳng sai (không tin lý nhân quả); hoặc như các vị Đế vương bên Ấn Độ mỗi khi nằm mộng thấy điềm chi chẳng lành thì thường hay cúng hay tế thần lửa, khi hành lễ phải giết ít lắm là 500 con trâu, 500 con bò, 500 con dê, 500 con ngựa, 500 đứa con trai, 500 đứa con gái, v.v… để cúng tế thần Lửa đặng khẩn cầu cho khỏi điều rủi ro tai hại sẽ tới. Cũng như trong xứ ta có một số đông mê tín, mỗi năm hằng giết trâu, bò, heo, v.v… để cúng tế thần linh cầu nguyện cho được yên ổn trong xứ sở, tránh khỏi tai trời ách nước. Hoặc giả khi trời hạn không mưa lại cúng tế trời đất quỷ thần để cầu cho mưa thuận gió hòa v.v… Những sự cố chấp như thế gọi là chấp theo lệ cúng tế.

– *Attavātūpādāna*: chấp cho rằng có ta. Là chấp rằng: "Trong ngũ uẩn này có ta, cho sắc uẩn là ta, là của ta, là thân ta, hoặc là cho cái ta ở trong sắc uẩn ấy, cho thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn cũng như thế ấy. Thật ra, ngũ uẩn chẳng phải là ta, vì nó do nguyên nhân mà phát sanh lên; khi nguyên nhân bị diệt tắt thì nó cũng tiêu tan. Cũng như ngọn đèn cháy được là do nhờ sáp và tim. Khi sáp và tim là nguyên nhân mà hết thì ngọn đèn cũng tắt theo. Vì thế mà Đức Phật cho ngũ uẩn là vô thường, hằng thay đổi biến chuyển luôn. Mà hễ vô thường thì nó có trạng thái khổ não. Như thế vật gì vô thường, khổ não thì vật ấy đâu phải là của ta, nó là vô ngã (vì ta không có quyền làm chủ sai khiến nó được) nó chỉ là một vật rỗng không, chẳng ở dưới quyền lực của một pháp nào cả nên gọi là vô ngã. Chúng sanh vì bị vô minh bao bọc che án cả trí huệ nên lầm lạc chấp ngũ uẩn ấy là ta, là của ta.

Tất cả 4 điều chấp trên đây gọi là thủ.

[14]. Kiến thức này do vị giáo chủ của bọn ngoại đạo Ājitakesa kambula phát minh ra.

10. Chi thứ mười là hữu (*bhava*).

Hữu là cảnh giới để tái sanh lại. Khi có thủ là sự chấp một trong bốn chỗ thì tức nhiên phải có cảnh giới để tái sanh. Cũng như người trước khi tính muốn đi đến một chỗ nào thì cố tâm tư tưởng đến cảnh giới ấy trước, sau rồi mới đưa thân thể mình đi tới chỗ ấy, cảnh ấy sau. Hữu có hai là: hữu nghiệp (*kammabhava*) là sự hành vi tạo tác ra thiện, ác và hành điềm tĩnh để đưa tới cảnh giới thoát sanh; hữu sanh (*uppattibhava*) là đã sanh lên rõ rệt trong cảnh giới mà mình đã tạo ấy (nói cho rõ là cái quả của hữu nghiệp).

Cảnh giới để thoát sanh ấy có nhiều chỗ là sanh vào cảnh dục giới, sắc giới, vô sắc giới, hữu tưởng, vô tưởng, phi phi tưởng, cảnh có nhứt uẩn, cảnh có tứ uẩn và cảnh có đủ ngũ uẩn vì có tạo những cảnh giới ấy nên mới đưa tới sự sanh.

11. Chi thứ mười một là sanh (*jāti*).

Sanh là một hiện tượng phát sanh lên rõ rệt vào một cảnh giới tùy theo cái hữu đã chỉ dẫn. Sự sanh lên có bốn chỗ là: thai sanh (*jalambuja*) là sanh vào thai bào như người ta, trâu, bò, ngựa, dê v.v…; noãn thai (*aṇḍaja*) là sanh vào trong trứng như gà, vịt, chim, cò v.v…; thấp sanh (*sansedaja*) là sanh vào trong nước như con quăn, vào trong đất như côn trùng, trong đống rác, trong trái cây như trái sung v.v…; hóa sanh (*upapātika*) là khi sanh lên có đủ cả bộ phận cơ thể liền trong một lúc lớn bằng người mười sáu tuổi như Chư Thiên trong cảnh dục và cảnh sắc giới.

12. Chi thứ mười hai là già chết (*jarāmaranaṃ*).

Già là sự cũ kỹ sự yếu đuối sự thay đổi sự tiều tụy sự khô héo của sắc uẩn như: mắt mờ, tai điếc, tóc bạc, răng long, da nhăn, má cóp gọi là già. Chết là sự xa lìa của cái tâm với cái xác thân, sự tan rã của ngũ uẩn, sự từ bỏ xác thân này, sự cắt đứt sanh mạng của chúng sanh gọi là chết; luôn cả sự buồn rầu, khóc than, khổ não, phiền muộn, đau đớn tuyệt vọng cũng phát sanh lên. Tất cả những sự khổ não đều phát lên cũng do nơi sự sanh ấy mà có.

Đến đây đã tròn đủ sự giải rộng về mười hai chi nhân quả.

Nếu khi muốn diệt tất các sự khổ não thì cần phải diệt tận vô minh v.v… Có Phật ngôn rằng: *Avijāya tve' va asesavirāga nirodhā saṅkhāra nirodho*: sự diệt tắt vô minh không còn dư sót do nơi thánh đạo rồi hành cũng do đó mà tắt theo. *Saṅkhāra nirodhā viññāna nirodho*: khi hành diệt thì thức cũng diệt. *Viññāna nirodhā nāmarūpa nirodho*: thức diệt thì danh sắc cũng diệt. *Nāmarūpa nirodhā salāyatana nirodho*: danh sắc diệt thì lục căn cũng diệt. *Salāyatana nirodhā phassa nirodho*: lục căn diệt thì xúc cũng diệt. *Phassa nirodhā vedanā nirodho*: xúc diệt thì thọ cũng diệt. *Vedanā nirodhā tanhā nirodho*: thọ diệt thì ái cũng

diệt. *Tanhā nirodhā upādāna nirodho*: ái diệt thì thủ cũng diệt. *Upādāna nirodhā bhava nirodho*: thủ diệt thì hữu cũng diệt. *Bhava nirodhā jāti nirodho*: hữu diệt thì sanh cũng diệt. *Jāti nirodhā jārā maranaṃ soka paridevadukkha domanassupāyāsā nirujjhanti*: sanh mà diệt thì sự già chết, buồn rầu, khóc than, khổ não, phiền muộn, đau đớn tuyệt vọng cũng diệt theo. *Evame tassa kevalassa dukkhakkhandassa nirodho hoti*: sự diệt tận tất cả các điều khổ não như thế ấy.

Đây là cách thực hành để diệt tắt bánh xe nhân quả:

Hành giả nào muốn chặt đứt và phá tan bánh xe luân hồi này thì phải có đủ tinh tấn nghị lực thực hành theo pháp thiền định (*samādhi*) và minh sát tuệ (*vipassanā*).

Giải rằng: hành giả nào hành thiền, khi đã đắc được từ sơ thiền tới tứ thiền, lúc xả định ra rồi thì bắt đầu suy xét rằng: "Ta đây hằng bị những điều khổ não triền miên nhứt là già chết, đây là do nơi đâu mà có?" Lúc ấy trí tuệ tự trả lời rằng: "Do nơi sự sanh, ngoài sự sanh không có một pháp nào chen vào làm cho ta phải khổ được. Rồi suy xét tiếp theo sự sanh do nơi đâu mà có v.v… tìm suy xét như thế ấy cho tới vô minh (mỗi chi phải quan sát cho thật vi tế như chỗ đã giải rộng). Rồi suy xét xuôi lại là từ vô minh sanh ra hành v.v… trở xuống cho tới già chết. Khi quán tưởng về sự diệt tắt thì cũng suy xét ngược lên và xuôi xuống vậy. Phải suy xét thật nhiều lần dầu lúc đi, đứng, nằm, ngồi cũng niệm tưởng, cho tới khi trí tuệ phát sanh lên, thấy rõ chân tướng của các pháp hữu vi đều do nguyên nhân mà phát sanh lên, khi nguyên nhân diệt tắt đi thì các pháp ấy cũng bị diệt tắt theo. Như trong Phật ngôn có câu: *yam kiñci samudaya dhammaṃ sabbantaṃ nirodha dhammaṃ*: pháp nào mà do nguyên nhân phát sanh lên, pháp ấy đều phải bị tiêu diệt cả. Khi trí tuệ thấy rõ như thế ấy thì đắc được đạo quả Niết-bàn, chừng ấy mới diệt các sự khổ não trong vòng sinh tử luân hồi và phá gãy bánh xe nhân quả liên quan được.

Chỗ nói minh sát tuệ có 10 (*vipassānā*): **1)** *Sammassanañāṇa*: huệ suy xét các pháp hữu vi (ngũ uẩn) đều là vô thường, khổ não, vô ngã đúng theo sự thật. **2)** *Udayappaya ñāṇa*: huệ suy xét sự sanh và diệt của các pháp hữu vi. **3)** *Bhaṅgañāṇa*: huệ suy xét sự tan rã mau chóng của các pháp hữu vi như bọt nước. **4)** *Bhaya ñāṇa*: huệ suy xét thấy các pháp hữu vi đáng ghê sợ, như sợ thú dữ hay quân địch. **5)** *Ādinava ñāṇa*: huệ suy xét cho thấy rõ những tội lỗi của các pháp hữu vi cũng như người thấy nhà mình ở bị cháy, sợ chạy ra khỏi nhà lửa ấy. **6)** *Nippadā ñāṇa*: huệ chán nản các pháp hữu vi, vì thấy đầy những tội lỗi. **7)** *Muñcitukamyata ñāṇa*: huệ muốn thoát khỏi các pháp hữu vi ấy cũng như người bị còng trói hay là như cá mắc lưới muốn thoát thân vậy. **8)** *Paṭisaṇkhā ñāṇa*: huệ suy xét tìm phương thế đặng giải thoát. **9)** *Saṇkhārūpekkhā ñāṇa*: huệ xả là không còn chấp các pháp hữu vi ấy nữa cũng như người đã bỏ hẳn vợ không còn

mến tiếc nữa. Nếu người vợ ấy có tư tình với người con trai nào mình biết được cũng thản nhiên. **10)** *Anuloma ñāṇa*: huệ thấy rõ, xuôi theo thánh đạo. Khi huệ này phát sanh lên thì có 3 hay có 4 tốc lực tâm javana phát sanh lên để dứt bỏ phiền não. Bốn tốc lực tâm là: a) *Parikamma javana*: tốc lực tâm niệm lại (nhớ thoáng qua đề mục minh sát mà mình đương niệm); b) *Upacāra javana*: tốc lực tâm ép gần vào đề mục; c) *Anuloma javana*: tốc lực tâm đưa xuôi theo thánh đạo; d) *Gotrabhū javana*: tốc lực tâm vào ranh giới thánh vức (là dứt bỏ cảnh của tâm phàm để bước qua cõi thánh) người nào có đủ 4 tốc lực tâm là thuộc về giác ngộ chậm (*dandābhiññā*); nếu người giác ngộ lẹ (*khippā bhiññā*) thì chỉ có 3 tốc lực, trừ ra *parikamma javana*: tốc lực tâm niệm lại đề mục. Rồi tới tốc lực tâm của thánh đạo (*magga javana*) phát sanh lên một lần nếu lấy Niết-bàn làm cảnh giới cho tâm, rồi diệt tắt, kế tốc lực tâm của thánh quả *bhala javana* phát sanh lên liên tiếp 2 hay 3 nấc tâm (*khaṇa citta*) tùy theo người giác ngộ mau hay chậm rồi tâm hành giả lại rớt xuống chỗ trú ngụ (*bhavanga citta*). Chỗ này gọi là mực thường của đời sống con người.

Bốn tốc lực tâm này ví cũng như người xem thiên văn ban đêm muốn ra xem trăng để coi thời tiết. Trăng khi ấy bị ba lớp mây che án làm cho không thấy rõ vầng trăng. Lúc ấy có ba luồng gió thổi tới đưa ba lớp mây ấy đi chỉ còn mặt trăng tỏ rạng. Sự ví dụ này ám chỉ người xem thiên văn như hành giả đang hành đạo, ba lớp mây là phiền não thô thiển, trung bình và vi tế, ba luồng gió như ba tốc lực tâm phát sanh lên để diệt ba thứ phiền não ấy. Người xem thiên văn ngó thấy trăng rõ ràng là: thánh đạo, mắt mê thích nhìn vầng trăng là thánh quả, vầng trăng tỏ là Niết-bàn.

Yếu luận

Tất cả Chư Thiên và nhân loại đều ở trong vòng nhân quả liên quan: bánh xe luân hồi ấy cứ xoay đi mãi mãi, mau chóng vô cùng. Chỉ vì chúng sanh bị màng vô minh che án nên không tấy rõ được sự thật của các pháp hữu vi. Theo trong quyển Abhidhamma vibhassa sastra có chép rằng: Trong 24 giờ (1 ngày 1 đêm) tinh thần (tâm) con người sanh diệt luôn luôn không ngừng nghỉ tới 6.400.099.980 mắc tâm (*khana*) (lần diệt tắt của tâm). Còn trong Thanh tịnh đạo (*Visuddhi magga*) giải rằng: Sự sống của con người rất ngắn ngủi vì mỗi lần diệt tắt luồng tư tưởng của tâm là mỗi lần sự sống cũng bị diệt tắt theo, nhưng do sự liên tiếp nhanh chóng của tư tưởng mà con người lầm lạc, cho rằng mình còn sống mãi.

Theo khoa học thì chỉ có tìm hiểu sự biến cố (nhân) kế cận của sự thăng trầm liên quan tới; cũng như thực vật học cho ta biết rằng loại thảo mộc được mau lớn và tốt đẹp là do nhờ có bón phân tốt, phân tốt thì do nơi các vật liệu thứ này thứ kia v.v… Còn vật lý học cho ta biết rằng: Các động cơ chuyển động được là do nhờ

năng lực của hơi, hơi thì do nước và lửa. Cũng như thế ấy, Phật giáo dạy ta tìm hiểu cái nguyên nhân kế cận trong mỗi sự hành vi của con người theo luật nhân quả liên quan. Nếu không tìm hiểu và tin theo lý nhân quả, cứ nghe đâu tin đó thì không bao giờ trở nên người sáng suốt được.

Như người thuở xưa cho rằng gió lớn là do nơi các vị trời kéo nhau đi đám cưới. Nếu tin như thế thì khoa học đâu có cần tìm kiếm nguyên nhân cho ta biết rằng: gió lớn ấy là do nơi áp lực khác nhau của luồng không khí.

Hơn nữa, khoa học cũng không cần tìm hiểu nguyên nhân đầu tiên và quả cuối cùng, vì không đem lại sự tiến hóa và lợi ích cho họ. Họ chỉ tìm hiểu nguyên nhân có liên quan kế cận mà thôi như tìm hiểu máy móc chuyển động được là do nhờ hơi, hơi thì do nơi nước và lửa, chớ họ không bao giờ tìm hiểu nước và lửa do nơi đâu mà có? Họ cũng không tìm hiểu cái quả cuối cùng, như tìm hiểu khi có máy phát điện đủ lợi ích chi, hoặc là tìm hiểu người ta ăn cơm no để chi? Họ không bao giờ tìm hiểu như thế ấy.

Như vậy, người ta cũng không cần chi tìm hiểu nguyên nhân đầu tiên hay là quả cuối cùng của pháp nhân quả liên quan. Khi người nào đã tiến hóa đến mực cao thượng rồi thì tự nhiên cũng hiểu biết được.

Soạn xong tại Cần Ché mùa Thu năm Ất vị PL.2499 – DL.1955

Bhikkhu Naga Thera – Tỳ khưu Bửu Chơn.

Mahākassapa Bojjhaṅga Sutta Pātho (Bảy nhân sanh quả bồ đề)

Kinh này, Đức Phật giảng trong lúc Đại đức Ca-Diếp mang bịnh nặng tại động Pipphali guhā nơi Vương Xá Thành (Rajagaha) trung Ấn Độ (T.Tg.26e 367).

Evaṃ me sutaṃ ekaṃ samayaṃ bhagava rājagahe viharati, veḷuvane kalandakanivāpe tena kho panasamayena, āyasmā mahākassapo pipphali guhāyaṃ viharati ābādhiko dukkhito balhagilāno. Athakho bhagavā sāyañha samayaṃ paṭisallānā vuṭṭhito yenāyasmā mahākassapo tenupasankamiupasaṅ kamitvā, paññatte āsane nisīti. Nisajja kho bhagavā āyasmantaṃ mahākassapaṃ etadavoca, kacci te kassapa khamanīyaṃ, kacci yāpanīyaṃ, kacci dukkhā vedanā paṭikkamanti, no abhikkamanti, paṭikkamosānaṃ paññāyati, no abhikkamoti. "Na me bhante khamaniyaṃ, na yāpanīyaṃ bālhā me dukkhā vedanā abhikkamanti, no paṭikkamanti abhikkamosānaṃ paññāyati, no paṭikkamoti".

Sattime kassapa bojjhaṅgā, mayā sammadakkhatā, bhāvitā bahulīkatā; abhiññāya sambodhāya nibbānāya saṃvattanti.

Katame satta? 1) Satisambojjhaṅgo kho kassapa mayā sammadakkhāto bhāvito bahulīkato, abhiññāya sambodhāya nibbānāya saṃvattati. 2) Dhamma vicaya saṃbojjhaṅgo …-*id*-… 3) Viriya saṃbojjhaṅgo …-*id*-… 4) Pīti saṃbojjhaṅgo …-*id*-… 5) Passaddhi saṃbojjhaṅgo …-*id*-.. 6) Samādhi saṃbojjhaṅgo …-id-… 7) Upekkhā saṃbojjhaṅgo …-*id*-…

Ime kho kassapa satta bojjhangā mayā sammadakkhatā bhāvitā bahulikatā, abhinnāya sambodhāya nibbānāya saṃvattantīti.

Taggha bhagavā bojjhangā, taggha sugata bojjhangāti. Idamavoca bhagavā attamano āyasmā mahākassapo bhagavato bhāsitaṃ abhinandi. Vuṭṭhahi cāyasmā mahākassapo tamhā ābādhā, tathāpahīno cāyasmāto mahākassapassa so ābādho ahosīti.

Etena saccayajjena hotu te jayamangalaṃ, etena saccavajjena sotthi te hotu sabbadā.

Bảy nhân sanh quả bồ đề (Thất bồ đề phần)

Ta là Ānanda có nghe như vầy, một lúc nọ Đức Thế Tôn ngự tại Trúc Lâm tịnh xá, là nơi mà người bảo dưỡng những con sóc, gần thành Vương Xá (*rājagaha*).

Trong lúc ấy, Đại đức Ca-Diếp ở nơi động Pap-phá-lí đang mang bệnh nặng, rất khổ sở vì chứng bịnh trầm kha. Khi ấy gần lúc chiều, Đức Thế Tôn vừa mới xả định (là mới ra khỏi sự tịnh dưỡng tinh thần trong buổi trưa) liền đi đến chỗ ĐĐ. Ca-Diếp cư ngụ. Khi tới nơi, Ngài ngự trên chỗ đã trải sẵn. Khi ngự xong, Đức Thế Tôn bèn hỏi ĐĐ. Ca-Diếp rằng: "Này Ca-Diếp, thế nào căn bệnh ngươi có chịu được không? Có thể nhẫn nại được không? Sự đau khổ có thuyên giảm hay là tăng thêm không? Hoặc là sự thuyên giảm được rõ rệt, không có sự tăng thêm?"

– Bạch Đức Thế Tôn, tôi không thể nào chịu được, tôi không thể nhẫn nại được vì sự đau khổ càng tăng lên, không có sự thuyên giảm, sự tăng trưởng càng rõ rệt, không được thuyên giảm chút nào.

– Này Ca-Diếp, đây là bảy nhân sanh quả bồ đề mà Như Lai đã giảng giải rồi, đã niệm tưởng rồi, đã thực hành nhiều rồi, để đem lại sự sáng suốt, sự giác ngộ, sự diệt tắt là Niết-bàn. Bảy pháp Bồ đề ấy là thế nào?

Này Ca-Diếp, một là bồ đề niệm, mà Như Lai đã giảng giải rồi, đã niệm tưởng và đã thực hành nhiều rồi, để đem lại sự sáng suốt, sự giác ngộ, sự diệt tắt là Niết-bàn. Hai là

bồ đề huệ …-v.v…- Ba là bồ đề tấn …-v.v…- Bốn là bồ đề hỉ …-v.v…- Năm là bồ đề tịnh …   -v.v…- Sáu là bồ đề định …-v.v…- Bảy là bồ đề xả …-v.v…-

Này Ca-Diếp, đây là bảy nhân sanh quả bồ đề, mà Như Lai đã giảng giải rồi, đã niệm tưởng và đã thực hành nhiều rồi, để đem lại sự sáng suốt, sự giác ngộ, sự diệt tắt là Niết-bàn.

Đức Thế Tôn đã giảng giải bảy nhân sanh quả bồ đề như thế ấy. Khi đức Thế Tôn giảng xong, ĐĐ. Ca-Diếp rất hoan hỷ và vui thích lời Ngài đã giảng giải. Liền khi ấy, căn bệnh của ĐĐ. Ca-Diếp cũng được thuyên giảm, rồi diệt luôn sự đau khổ và được khỏe mạnh lại như thường.

Do lời chân thật này, xin cho sự hạnh phúc và sự an vui thường đến cho người.

– Dứt tác phẩm 8. Nhân quả liên quan –